

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI

Lô 303, Tháp Tây, Chung cư Học Viện Quốc phòng, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0306507037 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2009 và được thay đổi lần 13 ngày 23/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch	
Ông Trần Vinh Thu	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/10/2024
Ông Lương Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/10/2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Dương Thị Linh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Ka	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Hiền	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thúy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2025
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2025
Ông Lê Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/12/2024
Ông Vũ Quốc Huân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/12/2024
Bà Bùi Thị Hiền	Kế toán trưởng	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty năm tài chính và từ ngày 01/01/2025 đến ngày 16/01/2025 là ông Nguyễn Quang Thắng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn thành Long – Tổng Giám đốc, từ ngày 16/01/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Thắng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Bà Lê Thị Thúy – Tổng Giám đốc.

Theo Giấy ủy quyền ngày 05/12/2024, ông Nguyễn Quang Thắng ủy quyền cho ông Lê Trung Dũng – Phó Tổng Giám đốc là người đại diện ký Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI

Lô 303, Tháp Tây, Chung cư Học Viện Quốc phòng, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 0703/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới

Chúng tôi đã Kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc độc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2024, số lỗ lũy kế của Công ty là 19.874.531.025 VND (số lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 20.299.870.014 VND). Điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và cam kết về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo Thuyết minh tại mục 2.2 – “Giả định hoạt động liên tục” của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào những thành công trong các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch huy động vốn của Công ty trong tương lai. Báo cáo tài chính của Công ty được lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 29 tháng 03 năm 2024, cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nguồn vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán âm 318.255.677 VND. Ngoài ra. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 318.255.677 VND. Những điều kiện và sự kiện nêu trên cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



NGUYỄN PHƯƠNG THÚY

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.266.411.807	200.828.467
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	96.960.599	15.775.042
1. Tiền	111		96.960.599	15.775.042
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	-	173.550.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	212.588.260
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(39.038.260)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.169.451.208	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	7.305.692.257	223.341.049
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	86.500.000	11.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	12.100.000	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(234.841.049)	(234.841.049)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	11.503.425
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	11.503.425
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.266.411.807	200.828.467
(270 = 100 + 200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.140.942.832	519.084.144
I. Nợ ngắn hạn	310		7.140.942.832	519.084.144
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	6.253.470.000	5.441
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	171.783.806	36.139.677
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.9	715.689.026	482.939.026
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.468.975	(318.255.677)
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.10	125.468.975	(318.255.677)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.874.531.025)	(20.318.255.677)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(20.318.255.677)	(20.405.929.117)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		443.724.652	87.673.440
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.266.411.807	200.828.467

Chiem

Người lập biểu
Bùi Thị Hiền

Chiem

Kế toán trưởng
Bùi Thị HiềnPhó Tổng Giám đốc
Lê Trung Dũng

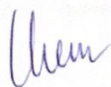
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	28.764.891.665	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28.764.891.665	-
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	27.864.396.608	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		900.495.057	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	549.119	198.726.335
7. Chi phí tài chính	22	5.4	(29.448.299)	260.344.497
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	398.194.315	47.137.222
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		532.298.160	(108.755.384)
11. Thu nhập khác	31	5.6	-	318.212.800
12. Chi phí khác	32	5.7	499.539	85.644.299
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(499.539)	232.568.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		531.798.621	123.813.117
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	88.073.969	36.139.677
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		443.724.652	87.673.440
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	222	44
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	222	44



Người lập biểu
Bùi Thị Hiền



Kế toán trưởng
Bùi Thị Hiền



Phó Tổng Giám đốc
Lê Trung Dũng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		531.798.621	123.813.117
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Các khoản dự phòng	03		(39.038.260)	39.038.260
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(549.119)	61.618.162
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		492.211.242	224.469.539
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.157.947.783)	(66.220.100)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.318.788.733	(318.207.359)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		212.588.260	(211.728.105)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(17.754.014)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(152.113.562)	(371.686.025)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		549.119	225.030
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		549.119	225.030
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	4.225.750.000	2.591.619.907
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(3.993.000.000)	(2.214.680.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		232.750.000	376.939.103
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		81.185.557	5.478.108
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.775.042	10.296.934
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		96.960.599	15.775.042



Người lập biểu
Bùi Thị Hiền



Kế toán trưởng
Bùi Thị Hiền



Phó Tổng Giám đốc
Lê Trung Dũng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0306507037 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2009 và được thay đổi lần 13 ngày 23/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm); Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác); Bán lẻ vải, len, sợi, chi khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, Công ty thay đổi ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024. Doanh thu chủ yếu từ hoạt động kinh doanh chính trong năm tài chính là hoạt động thương mại bán buôn thực phẩm và bán vật tư, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, số lỗ lũy kế của Công ty là 19.874.531.025 VND (số lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 20.299.870.014 VND). Điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có những đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và đưa ra các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của công ty như sau:

- Công ty không có bất kỳ vụ kiện nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2025 có sự tăng trưởng doanh thu so với thực tế thực hiện năm 2024 là doanh thu 50.000.000.000 VND về việc kinh doanh bán buôn vải, hàng may mặc, giấy dép; bán buôn thực phẩm, buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mì.

- Năm 2025 Công ty có kế hoạch mua 37.638.000 Cổ phần của Công ty CP Phong điện Ia Pết Đak Đoa Sở Hai với giá mua 10.764 đồng/Cổ phần và tổng giá trị mua là 405.135.432.000 đồng. Lợi nhuận kế hoạch năm 2025 từ hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Phong điện Ia Pết Đak Đoa Sở Hai là 91,128 tỷ đồng.

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra kế hoạch đề nghị tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ và vay vốn nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn, các kế hoạch được đưa ra là khả thi và Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.4 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.6 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.7 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản

vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.12 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu

thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.613.625	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	95.346.974	15.775.042
	96.960.599	15.775.042

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THỂ GIỚI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu	-	-	-	212.588.260	(39.038.260)	173.550.000
Công ty CP Sách Việt Nam	-	-	-	212.588.260	(39.038.260)	173.550.000
	-	-	-	212.588.260	(39.038.260)	173.550.000

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Sen Vàng Kinh Bắc	3.144.225.000	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thái Sơn	3.145.020.000	-
Công ty CP Thanh toán Điện tử Việt	223.341.049	223.341.049
Các khoản phải thu khách hàng khác	793.106.208	-
	7.305.692.257	223.341.049

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Chứng khoán Phở Wall	75.000.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	11.500.000	11.500.000
	86.500.000	11.500.000

4.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	12.100.000	-	-	-
	12.100.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THỂ GIỚI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.6 Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Thanh toán Điện tử Việt Công ty TNHH Kiểm toán KTV	Trên 3 năm	223.341.049	-	Trên 3 năm	223.341.049	-
	Trên 3 năm	11.500.000	-	Trên 3 năm	11.500.000	-
		234.841.049	-		234.841.049	-

4.7 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hoàng Cầu House	3.128.325.000	3.128.325.000	-	-
Công ty CP Nông sản Vĩnh Phát	3.125.145.000	3.125.145.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	-	-	5.441	5.441
	<u>6.253.470.000</u>	<u>6.253.470.000</u>	<u>5.441</u>	<u>5.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	53.924.174	207.202	54.131.376	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	106.459.632	17.754.014	88.073.969	-	36.139.677
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.400.000	21.600.000	33.000.000	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	171.783.806	42.561.216	178.205.345	-	36.139.677

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.9 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng	482.939.026	482.939.026	4.225.750.000	3.993.000.000	715.689.026	715.689.026
Ông Nguyễn Quang Thắng (i)	482.939.026	482.939.026	4.225.750.000	3.993.000.000	715.689.026	715.689.026
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	482.939.026	482.939.026	4.225.750.000	3.993.000.000	715.689.026	715.689.026
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.3)	482.939.026	482.939.026			715.689.026	715.689.026

Thông tin chi tiết các khoản vay

(i) Khoản vay Ông Nguyễn Quang Thắng theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 01/05/2024 với hạn mức là 6.000.000.000 VND. Thời gian mượn tiền từ ngày 01/05/2024 đến ngày 30/04/2025. Lãi suất vay 0%/năm

4.10 Vốn chủ sở hữu

4.10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	(20.405.929.117)	(405.929.117)
Tăng trong năm			
- Lãi trong năm	-	87.673.440	87.673.440
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	(20.318.255.677)	(318.255.677)
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	(20.318.255.677)	(318.255.677)
Tăng trong năm			
- Lãi trong năm	-	443.724.652	443.724.652
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	(19.874.531.025)	125.468.975

4.10.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Nguyễn Quang Thắng	3.965.000.000	19,83%	3.965.000.000	19,83%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	3.500.000.000	17,50%	3.500.000.000	17,50%
Bùi Việt Anh	2.317.000.000	11,59%	2.317.000.000	11,59%
Vốn góp các cổ đông khác	10.218.000.000	51,09%	10.218.000.000	51,09%
	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

4.10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

4.10.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.10.5 Phân phối lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	(20.318.255.677)	(20.405.929.117)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	443.724.652	87.673.440
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	(19.874.531.025)	(20.318.255.677)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	(19.874.531.025)	(20.318.255.677)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	28.764.891.665	-
	28.764.891.665	-

5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.864.396.608	-
	27.864.396.608	-

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	549.119	225.030
Lãi từ bán chứng khoán	-	198.501.305
	549.119	198.726.335

5.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ từ bán chứng khoán	9.538.260	217.453.660
Phí lưu ký chứng khoán	51.701	3.852.577
Hòa nhập/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(39.038.260)	39.038.260
	(29.448.299)	260.344.497

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	330.000.000	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.194.315	44.004.664
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	132.558
	398.194.315	47.137.222

5.6 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xử lý công nợ phải trả người bán	-	318.212.800
	-	318.212.800

5.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và chậm nộp	484.659	85.644.299
Chi phí khác	14.880	-
	499.539	85.644.299

5.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	106.459.632	36.139.677
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(18.385.663)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	88.073.969	36.139.677

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	531.798.621	123.813.117
Các khoản điều chỉnh tăng	499.539	85.644.299
Các khoản chi phí không được trừ	499.539	85.644.299
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Chuyển lỗ năm trước	-	(28.759.031)
Thu nhập tính thuế TNDN	532.298.160	180.698.385
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	106.459.632	36.139.677

5.9 Lãi cơ bản, suy giảm trên Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	443.724.652	87.673.440
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	443.724.652	87.673.440
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	222	44
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (i)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	222	44

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	4.225.750.000	2.591.619.907
	4.225.750.000	2.591.619.907

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	3.993.000.000	2.214.680.804
	3.993.000.000	2.214.680.804

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Hội đồng Quản trị, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.3.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty không nhận lương từ Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Các giao dịch khác			
Ông Nguyễn Quang Thắng	Đi vay	4.225.750.000	2.591.619.907
	Trả tiền vay	3.993.000.000	2.214.680.804

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các thành viên quản lý chủ chốt

	Nội dung	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn			
Ông Nguyễn Quang Thắng	Vay ngắn hạn	715.689.026	482.939.026
		715.689.026	482.939.026

7.3.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và công nợ với các bên liên quan khác

7.4. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

7.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISG.



Người lập biểu
Bùi Thị Hiền



Kế toán trưởng
Bùi Thị Hiền



Phó Tổng Giám đốc
Lê Trung Dũng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2025